TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẾ SƠN** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 136/2020/HNGĐ-ST.
Ngày: 21 - 7 - 2020.
V/v tranh chấp *"ly hôn, nuôi con"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Trần Nguyên Vỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồng Quang Minh;

2. Bà Mai Thị Thúy Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Yến là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Hồ Minh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 15/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp *"ly hôn, nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2020/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Xuân H, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn KH, xã CT, huyện PC, tỉnh Bình Đình.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Thôn PT, xã QT, huyện QS, tỉnh Quảng Nam.

Chị H xin xét xử vắng mặt, anh C vắng mặt lần thứ 2 không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/2/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh C tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Cát Tân, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 56 ngày 08/6/2010. Từ ngày kết hôn đến nay gần 10 năm thì vợ chồng chị sống ly thân 10 năm. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Có một cháu tên là Nguyễn Lê Trà M, sinh ngày 15/5/2010. Chị yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Cháu M từ nhỏ đã ở với chị.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến khi xét xử, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh C nhưng anh vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị H.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ; bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh C cư trú tại thôn PT, xã QT, huyện QS, tỉnh Quảng Nam; chị H yêu cầu ly hôn và nuôi con nên quan hệ pháp luật giải quyết là tranh chấp về *"ly hôn, nuôi con"*, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn theo khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, chị H có đơn xin xét xử vắng mặt do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh C tự nguyện kết hôn, được Uỷ ban nhân dân xã Cát Tân, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 56 ngày 08/6/2010 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, chị H và anh C chung sống không hạnh phúc. Nguyên nhân theo chị H trình bày là do vợ chồng đã sống ly thân từ khi kết hôn cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng

nhưng anh C vắng mặt, không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị H với anh C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H.

[3]. Về con chung: Chị H yêu cầu được nuôi con. Anh C không gửi văn bản ghi ý kiến về việc nuôi con. Cháu M sống với chị H từ nhỏ và có nguyện vọng được sống với chị. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, xử: Giao cháu M cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên.

Chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

[5]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Xuân H về tranh chấp *"ly hôn, nuôi con"*.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị Xuân H và anh Nguyễn Ngọc C.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Lê Trà M, sinh ngày 15/5/2010 cho chị Lê Thị Xuân H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Anh C có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở. Các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị Xuân H phải chịu là 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 300.000 đồng mà chị đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007199 ngày 04 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (21 - 7 - 2020), đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- UBND xã Cát Tân, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định (Giấy CNKH số 56 ngày 08/6/2010);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Trần Nguyên Vỹ